

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900329305 do Sở KH&ĐT tỉnh Nghệ An cấp thay đổi lần 9 ngày 07/01/2020.
- Vốn điều lệ: 53.129.200.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 53.129.200.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 198 Trường Chinh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại : 0238.3853804
- Website: c92.com.vn
- Mã cổ phiếu: C92

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 02/6/1992, Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 (Tổng Công ty) ra Quyết định số 56/QĐ/TCCB-LĐ thành lập Công trường I, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty.

- Ngày 16/01/1995, Công trường I được đổi tên là Xí nghiệp Công trình I hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty. Nhiệm vụ của Công ty là xây dựng các công trình và thực hiện kế hoạch do Tổng Công ty giao nhằm đảm bảo về tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh doanh.

- Ngày 30/8/1997, Xí nghiệp Công trình I được đổi tên là Công ty Công trình Giao thông 492 theo Quyết định số 172/QĐ/TCCB-LĐ của Tổng Công ty. Công ty Công trình Giao thông 492 được Tổng Công ty trực tiếp giao nhiệm vụ xây dựng các công trình và được uỷ quyền giao dịch, ký kết các hợp đồng và vay vốn xây dựng công trình theo phương thức tự hạch toán.

- Để phù hợp với sự phát triển của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cùng hoà nhập vào nền kinh tế thị trường của đất nước, ngày 28/09/1998, Công ty được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập theo Quyết định số 2448/1998/QĐ/BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Ngày 05/02/2002, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải công nhận Công ty Công trình giao thông 492 xếp hạng lên Doanh nghiệp Nhà nước hạng I.

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, đổi mới và cổ phần hoá doanh nghiệp, ngày 29/04/2004, Bộ Giao thông Vận tải ra Quyết định số 1227/QĐ-BGTVT chuyển Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Công trình giao thông 492 thành Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông 492 (ECOJCOM 492) thuộc Tổng công ty có sự chi phối của Nhà nước, là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập.

- Ngày 14/02/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 492 và thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Ngày 23/02/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000504.

- Ngày 10/7/2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 số 2900329305.

- Ngày 19/11/2007, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 chính thức giao dịch 1,2 triệu cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/Cổ phiếu) trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là C92.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, thuỷ lợi;
- Đầu tư xây dựng công trình giao thông theo hình thức BOT, BT;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị giao thông vận tải;
- Xây dựng đường dây và trạm điện đến 35KV;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại.

- Địa bàn kinh doanh:

Các công trình mà Công ty đã và đang thi công trải dài trên cả nước Việt Nam.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

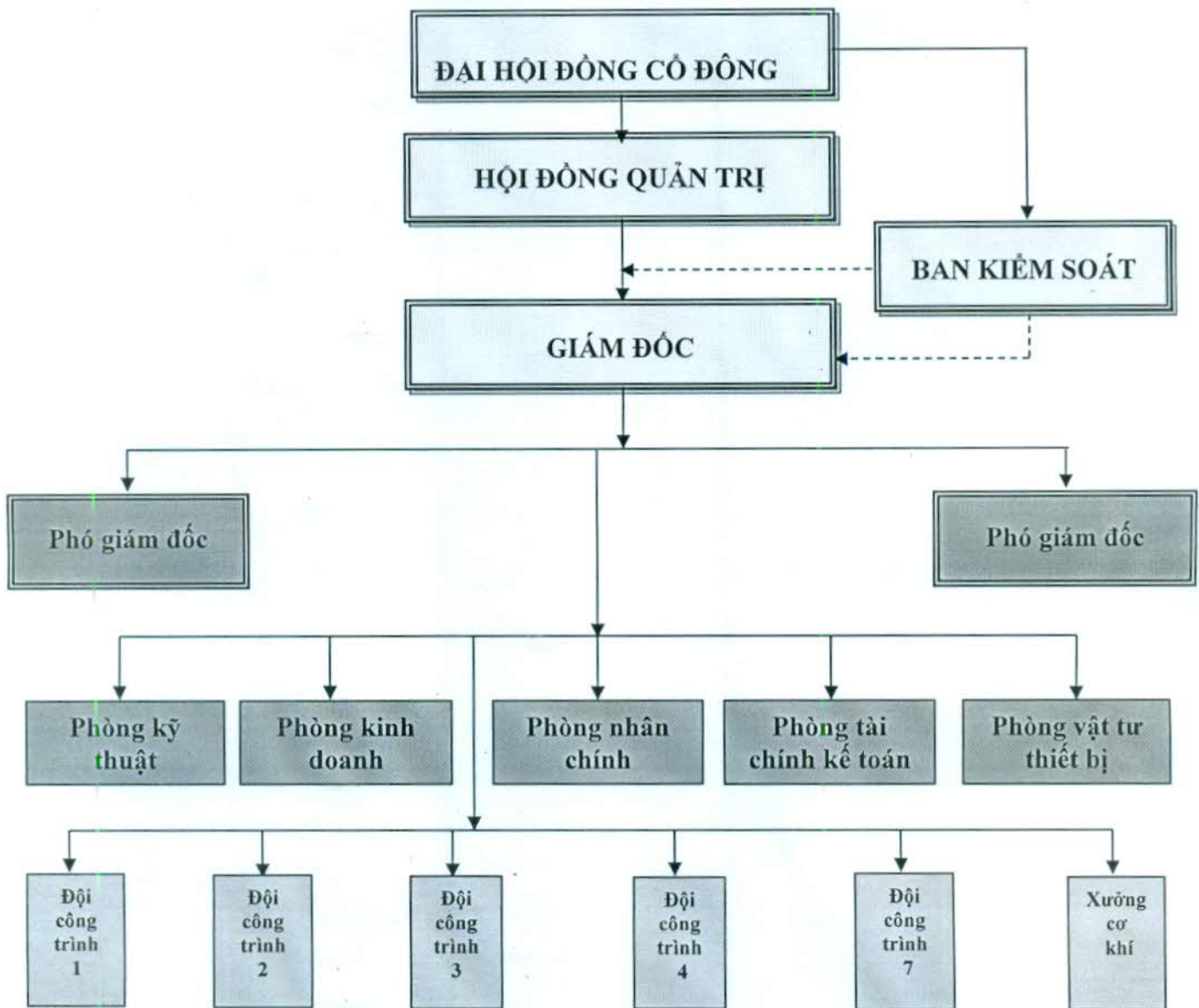
Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của công ty bầu ra Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty đứng đầu là Chủ tịch hội đồng quản trị.

Giám đốc điều hành công ty là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức quản lý điều hành mọi hoạt động trong Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492**



Ghi chú: → : Quản lý, điều hành trực tiếp
 ---> : Giám sát hoạt động

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Mục tiêu phát triển của C92 là đổi mới, hiệu quả và phát triển bền vững; mọi cán bộ quản lý và người lao động của công ty phải nỗ lực cao nhất để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần xây dựng môi trường làm việc dân chủ, tin tưởng, gắn bó với doanh nghiệp; tạo khối đoàn kết, thống nhất, không ngừng nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động kinh doanh, xây dựng công ty phát triển bền vững.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492 thành một doanh nghiệp xây dựng mạnh, đa sở hữu. Lấy xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp là hướng phát triển chính và hiệu quả làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, đồng thời phát triển một số ngành có lợi thế cạnh tranh như: kinh doanh bất động sản. Xây dựng đội ngũ cán bộ - công nhân chuyên nghiệp, có trình độ tay nghề cao, có tinh thần lao động sáng tạo; không ngừng nâng cao đời sống người lao động.

- Song song với các định hướng về sản xuất kinh doanh Công ty chú trọng đến các mục tiêu phát triển bền vững như: xây dựng định hướng phát triển về môi trường, xã hội và cộng đồng. Phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương nơi các dự án của công ty đóng trên địa bàn để có chiến lược về môi trường nước, khí hậu và điều kiện sinh hoạt của công nhân. Thường xuyên xây dựng các quy chế và phổ cập cho cán bộ công nhân viên thực hiện về An toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy... Liên kết với các cơ sở đào tạo để đào tạo và bổ túc thường xuyên về kiến thức an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy cho CB CNV trong công ty.

5. Các rủi ro:

Rủi ro về thị trường: Các biến động về giá cả thị trường (nguyên vật liệu đầu vào) là các rủi ro không thể lường trước được và tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp xây lắp.

Rủi ro về tín dụng và lãi suất: Hoạt động của DN phụ thuộc nhiều về tín dụng ngân hàng và biến động lãi suất, các nguồn tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về thời tiết: Biến đổi thời tiết sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thi công các dự án dẫn đến các rủi ro về kết quả sản xuất kinh doanh.

Rủi ro khác: Các điều kiện khách quan rất hiếm xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... nhưng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty phải lập quỹ phòng tránh các rủi ro về PCCC, các thiên tai khác.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023, mặc dù nền kinh tế vẫn còn khó khăn nhưng công ty vẫn trúng thầu nhiều dự án lớn, có giá cả hợp lý, thanh toán tương đối kịp thời. Bộ máy cán bộ quản trị, quản lý và lực lượng công nhân có trình độ, kinh nghiệm và một tập thể thống nhất, đoàn kết nên năm qua đã đạt được một số thành quả nhất định, cụ thể:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NQ ĐHĐCĐ năm 2023	Thực hiện năm 2023
1	Giá trị sản lượng	Triệu đồng	400.000	386.260
2	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	370.000	309.650
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.00	540
5	Tỷ lệ trả cổ tức	%	0	0

Đánh giá:

- Giá trị sản lượng đạt 96,57% kế hoạch năm, tăng 77,84% so với năm 2022;
- Doanh thu và thu nhập khác đạt 83,69% kế hoạch năm, tăng 50,72% so với năm 2022;

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Nguyễn Anh Hưng

- Chức vụ : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 25 - 12 - 1974
- Quê quán : Đồng Văn - Thanh Chương - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 7 - phường Đội Cung - Tp Vinh - Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Ths. Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Xây dựng công trình biển & dầu khí
- Quá trình công tác:
 - 05/1999 - 05/2003 : Cán bộ kỹ thuật Công ty CP XD&ĐT 492
 - 05/2003 - 09/2005 : Đội phó Đội CT6 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 09/2005 - 10/2007 : Đội trưởng Đội CT 6 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 10/2007 - 07/2009 : Phó Giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
 - 07/2009 - 04/2010 : Giám đốc điều hành Công ty CP XD&ĐT 492
 - 04/2010 - 04/2014 : Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành
 - 04/2014 đến nay : Chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành
- Số cổ phần nắm giữ : 3.815.978 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 71,82% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Nguyễn Đình Lục

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 23 - 10 - 1968
- Quê quán : Mỹ Thành - Yên Thành - Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Khối 14 - Phường Lê Lợi, Tp Vinh, Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Cầu đường
- Quá trình công tác:
 - 1997 -1998 : Kỹ thuật viên Công ty CP XD&ĐT 492

- 1998 - 2009 : Đội trưởng Đội công trình 5 - Công ty CP XD&ĐT492
- 2009 - 10/2010 : Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP XD&ĐT 492
- 10/2010 - nay : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
- Số cổ phần nắm giữ: 101.552 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 1,9% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Nguyễn Cảnh Tùng

- Chức vụ : Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó giám đốc.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 18 - 07 - 1974
- Quê quán : xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
- Quá trình công tác:
 - 1992 - 1993 : Công nhân Xí nghiệp 479
 - 1993 - 1999 : Công nhân Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2000 - 2003 : Kỹ thuật viên Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2003 - 2005 : Đội phó Đội CT2 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 2005 - 2010 : Đội trưởng Đội CT2 - Công ty CP XD&ĐT 492
 - 6/2010 - 4/2014 : Trưởng phòng Kinh doanh
 - 4/2014 - 3/2015 : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
 - 4/2015 - đến nay : Phó giám đốc Công ty CP XD&ĐT 492
- Số cổ phần nắm giữ: 28.414 cổ phần thuộc sở hữu cá nhân, chiếm 0,53% VDL
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Nguyễn Thu Giang

- Chức vụ : Trưởng phòng Tài chính kế toán
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 06 - 03 - 1983
- Quê quán : xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : Phường Đông Vĩnh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

▪ Quá trình công tác:

- 2009 - 2010 : Nhân viên Công ty cổ phần 471
- 2010 - 2021 : Nhân viên Công ty CP XD&ĐT 492
- 4/2021 – 4/2022 : Phó phòng TCKT Công ty CP XD&ĐT 492
- 4/ 2022 – 3/2023 : Phụ trách phòng TCKT Công ty CPXD&ĐT 492
- 3/2023 - đến nay : Trưởng phòng TCKT Công ty CP XD&ĐT 492

- Số cổ phần nắm giữ : không
- Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

Những thay đổi trong Ban điều hành:

Bổ nhiệm bà Nguyễn Thu Giang phụ trách phòng Tài chính kế toán giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính kế toán từ ngày 08/03/2023.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2023 là 112 người, cụ thể:

Phân theo trình độ người lao động:

- Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học : 47 người
- Công nhân và công nhân kỹ thuật : 53 người
- Lao động phổ thông : 12 người

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp và các chính sách khác đối với người lao động.

❖ *Chính sách đào tạo*

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: Thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành nghề. Công ty luôn thực hiện việc đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động. Luôn khuyến khích và tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn.

- Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước.

❖ *Chính sách lương*

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

❖ Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

❖ Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Chế độ bảo hiểm xã hội của công ty bao gồm đầy đủ ba chế độ: ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hiếu, hỷ cho CBCNV trong Công ty.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được quan tâm đúng mức, đúng chế độ Nhà nước quy định, trang cấp bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn;

- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; cưới hỏi; ngày lễ tết (tết Dương lịch, tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, Quốc khánh 2/9);

- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm;

- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, rằm trung thu;

- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

3. Tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư dự án: Không

b. Các công ty con, công ty liên kết: không

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu (ĐV tính: triệu đồng)	Năm 2023	Năm 2022	Tăng trưởng năm 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	464.837	272.905	70%
Doanh thu thuần	309.647	205.452	51%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-2.755	104	(2.749%)
Lợi nhuận khác	3.297	255	1193%

Lợi nhuận trước thuế	5412	360	51%
Lợi nhuận sau thuế	178	39	356%
Tỷ lệ trả cổ tức	0%	0%	0%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ số về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ NH	1,09	1,19	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,69	0,62	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,87	0,77	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	6,52	3,43	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	1,82	1,59	
+ Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,67	0,75	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/DT thuần	0,0006	0,0002	
+ HS Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,0029	0,0006	
+ HS Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,0004	0,0001	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0,0089	0,0005	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 5.312.920 cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông (Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần)

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông trong nước:

Cá nhân: 685 cổ đông, nắm giữ 5.113.468 cổ phiếu, chiếm 96,246% vốn điều lệ, trong đó có 1 cổ đông lớn, nắm giữ 3.815.978 cổ phiếu, chiếm 71,82% vốn điều lệ.

Tổ chức: 04 cổ đông, nắm giữ 2.972 cổ phiếu, chiếm 0,056% vốn điều lệ.

- Cổ đông nước ngoài:

Cá nhân: 10 cổ đông, nắm giữ 30.280 cổ phiếu, chiếm 0,570 % vốn điều lệ

Tổ chức: 05 cổ đông, nắm giữ 166.200 cổ phiếu, chiếm 3,128 % vốn điều lệ

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e. Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.

6.1 Tác động lên môi trường:

Phát triển bền vững luôn là mục tiêu hàng đầu của các Quốc gia và mọi nền kinh tế thế giới. Để đạt được điều trên thì vấn đề bảo vệ môi trường là một trong những đề tài không thể thiếu trong các chính sách, kế hoạch hoạt động của Quốc gia và doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển chung, đặc biệt là mục tiêu hội nhập với nền kinh tế thế giới. Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492 tin tưởng rằng bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế có sự liên hệ mật thiết với nhau, với tôn chỉ chung tay bảo vệ môi trường xanh và phát triển cộng đồng. Mọi hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492 luôn gắn với bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu.

6.2 Chính sách liên quan đến người lao động

- Tính đến ngày 31/12/2023 tổng số lao động là 112 người, mức thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/người/tháng.

- Hàng năm Công ty kết hợp với công đoàn công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ CNV, tổ chức thăm hỏi tặng quà các dịp lễ tết, tổ chức các đợt du lịch tham quan...

- Công ty đã phối hợp với trường đào tạo nghề đào tạo kiến thức về ATLĐ, VSMT cho toàn bộ công nhân và kỹ sư tham gia các dự án.

6.3 Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Đối với các địa phương nơi các dự án đi qua Công ty có trách nhiệm tuân thủ và báo cáo đầy đủ theo yêu cầu.

Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cấp trên hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các đợt phát động của phường xã...

6.4 Thực hiện đầy đủ các báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Công tác phát triển nguồn nhân lực

- Công tác phát triển nguồn nhân lực lao động lành nghề, có tay nghề cao, quan tâm đến đời sống người lao động, thu nhập của người lao động, nhà ở công nhân đầy đủ khang trang, các chế độ chính sách bảo đảm theo chế độ quy định của Nhà nước, của Công ty là tiêu chí được Công ty luôn quan tâm đúng mức;

- Phát triển đội ngũ khoa học kỹ thuật, tuyển dụng kỹ sư được đào tạo chính quy, loại khá giỏi, đúng chuyên môn. Nâng cao nghiệp vụ phòng ban chuyên môn, công tác

quản lý kỹ thuật trên các Dự án; công tác nâng cao năng lực trong Hồ sơ dự thầu các Dự án mới...

- Cơ cấu lại các tổ sản xuất, sử dụng lao động chính thức. củng cố lại bộ máy cấp đội, đủ mạnh để đảm nhận được những công trình trọng điểm của Công ty thi công;

1.2. Công tác quản lý, điều hành SXKD trên các dự án trong năm 2023.

Trong năm qua Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 492 đã nỗ lực không ngừng từ cấp lãnh đạo đến từng cán bộ công nhân cơ sở và đã đạt được một số chỉ tiêu khả quan, đặc biệt đời sống và thu nhập của người lao động ngày được nâng cao, mở ra kỳ vọng tăng trưởng bền vững trong năm kế tiếp.

Công tác điều hành các công trình nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, từng bước xây dựng để khẳng định thương hiệu C92. Cụ thể tình hình thực hiện tiến độ các dự án đến 31/12/2023 như sau:

1.2.1. Các công trình đã hoàn thành giá trị hợp đồng: Cầu Thanh Nam - Quảng Nam, cầu Long Đại - Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2 Các công trình đang thi công đạt được:

1.2.2.1 Dự án 5 cầu Hòa Bình: đúc 20 phiến dầm super T, thi công cọc khoan nhồi móng M2, trụ T3, T4, bộ thân móng M2 cầu số 2.

1.2.2.2. Dự án Quy Nhơn – Chí Thạnh: Thi công 1400m cọc khoan nhồi móng trụ, thi công kết cấu móng trụ M1, T1, T2, T3, T8, T9, T10 .

1.2.2.3. Cầu Bạch Đằng (TP HCM): Thi công bộ thân trụ T1, T2, 2 trụ va xô bờ Bình Dương và phần đúc hẫng trên trụ T2.

1.2.2.4. DA 4 cầu Quận Cái Răng (Cần Thơ): Thi công hoàn thiện toàn bộ phần còn lại dự án. Lao lắp 21 phiến dầm cầu Xẻo Lá, hoàn thiện hệ thống đường đầu cầu 4 cầu, các kết cấu phần trên còn lại như lan can, bờ bo.v.v....

1.2.2.5. DA Quốc Lộ 20 - Cầu Đại Ninh, Định An 1 (Lâm Đồng): Thi công hoàn thiện cầu Định An, thi công hạ bộ cọc khoan nhồi, bộ thân và đúc dầm, lao lắp thi công kết cấu nhịp cầu Đại Ninh.

1.2.2.6. Cầu Tam Sơn – DA cầu Rạch Miễu 2 (Tiền Giang): Thi công xong kết cấu cầu Tam Sơn (hạng mục cọc khoan nhồi, kết cấu móng, trụ, đúc dầm và lao lắp thi công kết cấu nhịp...)

1.2.2.7. Gói thầu XL03 – DA Hậu Giang – Cà Mau: Thi công 3968m cọc khoan nhồi, thi công xong kết cấu móng trụ M1, T1, T2, T3, T4, Đúc 20 phiến dầm Super T cầu Tắc Thủ và 5 cầu nhỏ trên tuyến.

1.2.2.8. Gói 04: QL6-XL Cầu Tân Trượng: Thi công 429m cọc khoan nhồi D1200, Đúc 12 phiến dầm I33

1.2.2.9. Gói 10-XL Biên Hòa Vũng Tàu: Huy động vật tư, thiết bị, xây dựng lán trại công trường.

1.2.2.10. Gói thầu XL12 Nút giao An Phú: Huy động xong vật tư thiết bị thi công đến công trường.

1.2.2.11. Xưởng cơ khí: Gia công, chế sửa các hạng mục thép định hình cho các công trình, các cấu kiện vật tư luân chuyển phục vụ thi công.

1.3. Công tác thanh, quyết toán với Chủ đầu tư:

- Công ty tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác thanh toán các hạng mục, công trình đã hoàn thành từ đó đảm bảo nguồn lực tài chính đáp ứng phục vụ thi công.
- Các công trình thi công trong năm đều làm tốt công tác nghiệm thu thanh toán kịp thời.

1.4. Công tác duyệt lương, khoán, quyết toán nội bộ.

- Nhằm đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Hàng tháng chỉ đạo các đội sản xuất, phòng ban chuyên môn duyệt lương đúng theo yêu cầu đề ra.
- Tất cả các công trình đã thực hiện giao khoán nội bộ theo định mức khoán nội bộ.
- Đã thanh toán lương toàn Công ty hết tháng 12/2023, chế độ tiền tết bình quân 7,5 triệu đồng/người.
- Thực hiện đánh giá xếp loại và mức hưởng lương cho cán bộ gián tiếp hàng tháng cho các Phòng ban chuyên môn và đội sản xuất. Tạo sự chuyển biến tích cực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.5. Công tác tài chính.

- Huy động kịp thời và đảm bảo vốn phục vụ sản xuất trên các công trình;
- Công tác quản lý cho vay vốn sản xuất, giảm nợ đúng quy chế tài chính.

1.6. Công tác kỹ thuật chất lượng.

- Công tác thiết kế biện pháp TCTC sát với thực tế, đã chủ động sáng tạo tận dụng tối đa nguồn vật tư sẵn có của Công ty, làm chủ các công nghệ thi công phức tạp;
- Công tác quản lý tiến độ thi công càng ngày càng sát với thực tế, có báo cáo thi công hàng tuần. Xây dựng tiến độ thi công chi tiết phù hợp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý tiến độ theo đường găng tổng thể.
- Thắt chặt công tác quản lý chất lượng công trình, kiểm tra đôn đốc các đơn vị thi công công trình đạt yêu cầu kỹ thuật của dự án;
- Thường xuyên cập nhật các ứng dụng chuyên ngành áp dụng cho công tác thiết kế biện pháp TCTC, có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất làm lợi hàng trăm đến hàng tỷ đồng.

1.7. Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

Công tác an toàn vệ sinh lao động được Công ty đặc biệt quan tâm, luôn đặt tiêu chí “An toàn tuyệt đối cho con người, thiết bị và công trình” là mục tiêu đầu tiên trong quá trình thi công. Chính vì vậy mà ngay từ đầu lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, các đội sản xuất thực hiện tốt công tác an toàn – vệ sinh lao động.

2. Tình hình tài chính.

a. Tình hình tài sản.

Cơ cấu tài sản của Công ty những năm qua không có sự thay đổi đáng kể. Tài sản ngắn hạn chiếm 91,8% tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm 8,2% tổng tài sản. Trong tài sản ngắn hạn thì các khoản phải thu và hàng tồn kho chiếm 69,95%.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả chiếm 86,7% tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm 13,3% tổng nguồn vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp dưới Ban giám đốc có các phòng ban với chức năng nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành các trưởng bộ phận. Thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ trong công ty một cách phù hợp và tuyển dụng được cán bộ có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Xây dựng chiến lược tìm kiếm việc làm, đầu tư khoa học và công nghệ; tăng cường công tác quản trị, quản lý, điều hành dự án; thực hiện tốt chính sách đối với người lao động, công tác tuyển dụng.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ trên BCTC 2023: Tại thời điểm 31/12/2023 công ty chưa cung cấp đầy đủ một số thư xác nhận khoản phải thu, phải trả khách hàng, tài liệu liên quan phương pháp tính giá vốn. Nguyên nhân là do công trình công ty thi công ở xa nên tài liệu chưa về kịp.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty đã thường xuyên kiểm tra nhắc nhở các BCD công trường chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường nơi đóng quân, thực hiện tốt các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường. Trong năm qua Công ty không có vụ vi phạm nào về bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Việc trả lương cho người lao động theo chức năng nhiệm vụ, năng lực của mỗi cá nhân luôn được lãnh đạo Công ty quan tâm, đảm bảo công bằng và khuyến khích người lao động hăng say lao động cống hiến cho Công ty. Thu nhập bình quân người lao động luôn được chú trọng và lương bình quân năm sau cao hơn năm trước. Các chế độ khen thưởng thực hiện đầy đủ, đóng BHXH đầy đủ cho người lao động. Công ty kết hợp với công đoàn công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ CNV, tổ chức thăm hỏi tặng quà các dịp lễ tết, tổ chức các đợt du lịch tham quan...

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Doanh nghiệp thường xuyên phối hợp với công đoàn cấp trên hỗ trợ xây nhà tình nghĩa, hỗ trợ các đợt phát động của phường, xã...

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a. Về công tác tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua các chỉ tiêu chính, với cơ cấu hiện nay về tổ chức đáp ứng được công tác lãnh đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các mục tiêu công ty đề ra.

Đã lãnh đạo, thực hiện kiện toàn bộ máy quản lý, bổ nhiệm và điều động cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu sản xuất.

b. Công tác xây dựng và ban hành các quy chế, quy định quản trị:

Đã phê duyệt các kế hoạch SXKD quý, năm; các quyết định đầu tư, kế hoạch vay vốn để Giám đốc triển khai và tổ chức thực hiện.

Các quy chế, quy định đã được xây dựng theo đúng trình tự, được các thành viên HĐQT, cán bộ chủ chốt tham gia góp ý, nội dung tuân theo quy định của pháp luật và được vận dụng phù hợp với điều kiện kinh doanh của Công ty. Các quy chế, quy định này đã tác động tốt đến công tác điều hành và quản trị chung doanh nghiệp.

c. Công tác lãnh đạo SXKD:

HĐQT đã chỉ đạo sát sao việc thực hiện mục tiêu tiến độ các công trình, công tác doanh thu, thu hồi vốn, huy động vốn, công nợ, công tác kiểm kê cuối năm, công tác quản lý thiết bị, xử lý các công việc quyết liệt, mang lại hiệu quả thiết thực, toàn diện trên các mặt trong năm 2023 và tạo được tiền đề cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

Đã tăng cường chỉ đạo đối với các công trình thi công, thực hiện công tác giao khoán nội bộ, công tác thanh toán, kiểm soát về chất lượng, an toàn lao động. Công tác quản lý tài chính được chặt chẽ, quan hệ tín dụng linh hoạt, được mở rộng đã mang lại hiệu quả đáp ứng được vốn sản xuất, trả nợ đúng hạn.

d. Về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT:

Thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, HĐQT đã chủ động thực hiện nhiệm vụ này một cách có hiệu quả thiết thực: Tất cả các phiên họp, đều yêu cầu Giám đốc và cán bộ quản lý có liên quan báo cáo kết quả SXKD, điều hành công ty từng giai đoạn;

HĐQT đã phê duyệt đơn vị kiểm toán soát xét báo cáo tài chính năm 2023;

Đã thành lập Hội đồng kiểm kê, giám sát và kiểm kê toàn bộ tài sản công ty để phục vụ quyết toán và đánh giá giá trị doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2023;

Giám sát việc thực hiện các dự án, các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Thông qua kiểm tra, kiểm kê tài sản, kiểm soát nội bộ, các bộ phận, đơn vị trực thuộc, giúp cho HĐQT xem xét được tính hợp lý việc sử dụng các nguồn lực, tài sản, vốn, nhân lực phục vụ các hoạt động kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp;

HĐQT đã thực hiện các biện pháp để kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính, số liệu đầu vào, quá trình thực hiện của các dự án, quyết toán công trình, thông tin kinh tế và các báo cáo khác, nhằm sớm phát hiện những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành, từng bước thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán NN, điều lệ và quy chế công ty;

HĐQT đã phối hợp cùng kiểm toán trong việc kiểm tra định kỳ báo cáo tài chính bán niên, kết thúc năm tài chính.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm qua Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ thực hiện đúng Điều lệ; quy chế, quy định của HĐQT.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Kế hoạch năm 2024 của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển, các nguồn lực hiện có và khả năng thu hút, hiệu quả vốn đầu tư, tình hình thị trường. Trên cơ sở các hợp đồng thi công chuyển tiếp, dự án bất động sản đang triển khai, khả năng khai thác thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch năm 2024 cụ thể như sau:

- + Giá trị sản lượng : 485,0 tỷ đồng
- + Doanh thu : 388,0 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 1,0 tỷ đồng
- + Thu nhập bình quân người lao động : trên 10,5 Tr đồng/người/tháng
- + Phân đấu không để tai nạn lao động nặng trở lên xảy ra.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT	3.815.978	
2	Nguyễn Đình Lục	Ủy viên HĐQT	101.552	
3	Nguyễn Cảnh Tùng	Ủy viên HĐQT	28.414	
4	Đình Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	18.962	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp và ban hành các nghị quyết và quyết định theo thẩm quyền.

Nội dung các cuộc họp HĐQT đã được chuẩn bị chu đáo, có trọng tâm, các Nghị quyết được xây dựng trên nguyên tắc tập thể đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên, bảo đảm thẩm quyền, đúng quy định của điều lệ công ty và quy phạm pháp luật. Sau khi ban hành nghị quyết, HĐQT đã phân công các ủy viên đôn đốc thực hiện nên mang lại hiệu quả, nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền của HĐQT trong quá trình quản trị và giám sát doanh nghiệp.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành chức trách của mình theo nhiệm vụ đã được phân công, đúng Điều lệ, tạo điều kiện tốt nhất để Giám đốc thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Giám đốc và các cán bộ quản lý đã tuân thủ thực hiện đúng Điều lệ, quy chế, quy định của HĐQT; song vẫn còn một số cán bộ quản lý chưa thực hiện việc nắm giữ cổ phiếu đúng tỷ lệ quy định.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: không có

e. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Nguyễn Anh Hưng

- Chủ tịch HĐQT

2. Ban Kiểm soát.

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Nông	Trưởng ban kiểm soát	4.610	
2	Trần Anh Đức	UV Ban kiểm soát		
3	Hồ Quốc Cường	UV Ban kiểm soát		

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động sau:

- Tham gia tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT khi được mời;
- Thẩm tra bản báo cáo SXKD quý, năm; báo cáo tài chính quý, thẩm định báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty; cùng với báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo sản xuất kinh doanh của Giám đốc, báo cáo tài chính của Phòng Tài chính kế toán trong năm 2023 để các bản báo cáo đảm bảo tính trung thực;
- Ban kiểm soát đã tham gia giám sát, kiểm tra cùng các bộ phận chuyên môn; kiểm tra sổ sách và các tài liệu về: Hồ sơ kỹ thuật, hợp đồng kinh tế, công tác quản lý thiết bị, vật tư thi công, vật tư luân chuyển, vật tư tồn kho, điều hành sản xuất ở các đội và trụ sở công ty;
- Trong năm qua đã tham gia làm việc cùng đoàn Kiểm toán kiểm tra báo cáo tài chính Công ty năm 2023;
- Trong năm qua các thành viên của BKS thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình đúng Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Trong công tác luôn trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, Cổ đông và Nhà đầu tư. Trong năm không có thành viên nào của BKS vi phạm Điều lệ và quy định của pháp luật Nhà nước; không có cổ đông nào khiếu kiện trong việc đầu tư và hoạt động của C92.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
	Hội đồng quản trị		
1	Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT	325.428.000
2	Nguyễn Đình Lục	Ủy viên HĐQT	393.660.000
3	Nguyễn Cảnh Tùng	Ủy viên HĐQT	393.660.000
4	Đình Quốc Hùng	Ủy viên HĐQT	241.160.000
	Ban kiểm soát		
1	Nguyễn Đình Nông	Trưởng ban	110.424.000

2	Trần Anh Đức	Thành viên BKS	264.668.000
3	Hồ Quốc Cường	Thành viên BKS	238.440.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách tốt nhất.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: *Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: *Có chi tiết BCTC đính kèm*

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCKHN;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Anh Hưng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492

Số 198, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Hưng	Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lục	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đình Nông	Trưởng ban
Ông Trần Anh Đức	Thành viên
Ông Hồ Quốc Cường	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Anh Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ 492

Số 198, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Hưng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 033001/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024 từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng và phải trả nhà cung cấp. Tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập đầy đủ thư xác nhận. Tại ngày 31/12/2023, giá trị các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, phải trả nhà cung cấp chưa được đối chiếu, xác nhận lần lượt là 12,02 tỷ đồng và 10,29 tỷ đồng. Tại ngày 01/01/2023, giá trị các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khách hàng, phải trả nhà cung cấp chưa được đối chiếu, xác nhận lần lượt là 11,62 tỷ đồng và 9,25 tỷ đồng. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi vẫn không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến tính hiện hữu và đầy đủ của các khoản công nợ nêu trên tại ngày 31/12/2023 và tại ngày 01/01/2023. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Đối với các công trình giao thông nghiệm thu tiến độ trong năm nay, Công ty ghi nhận giá vốn hàng bán từ hoạt động xây lắp căn cứ theo tỷ lệ xác định phần công việc hoàn thành. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thu thập được đầy đủ các tài liệu để có thể đánh giá sự phù hợp của tỷ lệ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính năm nay kèm theo hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

A blue ink signature of Lê Quốc Anh.

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		426.869.986.583	249.016.424.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	91.779.609.577	6.058.938.803
1. Tiền	111		91.779.609.577	6.058.938.803
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		33.897.000.000	12.971.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	33.897.000.000	12.971.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.564.966.211	111.224.598.479
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	96.048.645.956	97.459.333.119
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	27.986.084.900	10.352.392.394
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.531.335.639	9.330.145.113
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(21.001.100.284)	(5.917.272.147)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	154.029.337.298	118.434.958.646
1. Hàng tồn kho	141		154.029.337.298	118.434.958.646
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.599.073.497	326.928.273
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.599.073.497	326.928.273
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.966.716.793	23.888.334.726
I. Tài sản cố định	220		25.734.121.763	12.002.181.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	18.331.700.607	12.002.181.102
- Nguyên giá	222		129.010.708.256	120.601.340.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(110.679.007.649)	(108.599.159.458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	7.402.421.156	-
- Nguyên giá	225		7.658.006.734	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(255.585.578)	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		12.232.595.030	11.886.153.624
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	12.232.595.030	11.886.153.624
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		464.836.703.376	272.904.758.927

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		403.006.394.426	211.252.883.776
I. Nợ ngắn hạn	310		392.579.941.335	209.017.021.935
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	51.288.666.128	64.094.216.556
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	221.753.740.045	42.567.427.900
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	266.208.959	331.777.212
4. Phải trả người lao động	314		6.103.316.000	839.930.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	12.323.227.629	13.541.249.962
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	10.380.073.028	20.124.094.397
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	89.382.072.810	66.435.689.172
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.082.636.736	1.082.636.736
II. Nợ dài hạn	330		10.426.453.091	2.235.861.841
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	9.595.096.058	-
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		831.357.033	2.235.861.841
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.830.308.950	61.651.875.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	61.830.308.950	61.651.875.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.129.200.000	53.129.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.129.200.000	53.129.200.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.655.023.967	1.655.023.967
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.046.084.983	6.867.651.184
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.867.651.184	6.828.310.883
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		178.433.799	39.340.301
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		464.836.703.376	272.904.758.927


Nguyễn Thu Giang
Người lập biểu


Nguyễn Thu Giang
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Hưng
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	309.646.552.915	205.451.794.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		309.646.552.915	205.451.794.841
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	280.579.262.296	187.740.286.465
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.067.290.619	17.711.508.376
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	903.197.142	574.211.056
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.038.977.414	7.461.068.776
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.959.802.774	6.428.984.316
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	23.686.375.995	10.720.394.529
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.754.865.648)	104.256.127
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.858.889.577	430.148.934
12. Chi phí khác	32	VI.7	562.239.191	174.697.105
13. Lợi nhuận khác	40		3.296.650.386	255.451.829
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		541.784.738	359.707.956
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	363.350.939	106.881.012
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	213.486.643
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.9	178.433.799	39.340.301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	34	7



Nguyễn Thu Giang
Người lập biểu



Nguyễn Thu Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Hưng
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	474.453.251.268	173.542.324.821
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(311.445.299.506)	(165.303.365.518)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.929.611.000)	(20.115.703.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(6.876.337.563)	(6.345.519.105)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(249.427.165)	(16.329.782)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.748.087.928	3.059.594.630
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(58.908.725.555)	(2.325.749.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	90.791.938.407	(17.504.747.196)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.480.796.296)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	150.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(33.897.000.000)	(3.371.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.971.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	930.768.967	546.639.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(29.326.027.329)	(2.824.360.769)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	98.585.895.477	113.998.558.407
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(72.552.622.951)	(132.256.988.990)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.778.512.830)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.254.759.696	(18.258.430.583)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	85.720.670.774	(38.587.538.548)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.058.938.803	44.646.477.351
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	91.779.609.577	6.058.938.803


Nguyễn Thu Giang
Người lập biểu


Nguyễn Thu Giang
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Hưng
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900329305 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 13 tháng 10 năm 1998 và các lần thay đổi. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 53.129.200.000 đồng (Năm mươi ba tỷ một trăm hai mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Địa chỉ Công ty tại Số 198, đường Trường Chinh, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng công trình giao thông (bao gồm các công trình theo hình thức BOT, BT);
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Mua bán vật tư, thiết bị giao thông vận tải;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Cho thuê máy móc, thiết bị thi công.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đặc thù của ngành xây dựng cơ bản hầu hết các dự án đều kéo dài từ hai đến ba năm. Do đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty lấy theo bình quân của ngành là hai năm trở lên.

Thuyết minh về khả năng so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 102 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 110 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Các tài sản khác	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc và thiết bị

Số năm

05 - 15 năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng bảo hành đối với các Công trình xây dựng mà hợp đồng xây lắp chủ đầu tư có yêu cầu giữ lại tiền bảo hành công trình khi lên phiếu giá thanh toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty/Doanh nghiệp tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	97.592.867	256.034.253
Tiền gửi ngân hàng	91.682.016.710	5.802.904.550
Cộng	91.779.609.577	6.058.938.803

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	33.897.000.000	12.971.000.000
Cộng	33.897.000.000	12.971.000.000

(*) Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 2,29%/năm đến 6,22%/năm.

3. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn CIENCO 4	17.210.886.057	20.995.721.168
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	24.425.530.327	24.425.530.327
Ban Quản lý dự án và quỹ đất Thành phố Hội An	10.464.213.000	5.567.593.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	5.501.284.868	5.501.284.868
Các khách hàng khác	38.446.731.704	40.969.203.756
Cộng	96.048.645.956	97.459.333.119

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây dựng Quang Tiền	23.363.932.084	-
Công ty Cổ phần Công trình 6	2.226.762.994	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Đức Thành	1.061.150.464	1.061.150.464
Các khách hàng khác	1.334.239.358	9.291.241.930
Cộng	27.986.084.900	10.352.392.394

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ký cược, ký quỹ (*)	17.551.215.424	6.431.118.950
Tạm ứng	21.994.134.968	1.380.356.183
<u>Trong đó:</u>		
Đội công trình 1 (Ông Hiệp)	5.399.781.259	-
Đội công trình 3 (Ông Nam)	5.202.159.806	-
Đội công trình 4 (Ông Thanh)	3.439.170.657	-
Đội công trình 7 (Ông Việt)	2.868.335.711	-
Các đối tượng khác	5.084.687.535	1.380.356.183
Phải thu khác	1.985.985.247	1.518.669.980
<u>Trong đó:</u>		
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (Cầu Cây)	800.000.000	800.000.000
Ban QLDA khu chung cư Công ty 492	459.259.351	467.445.396
Các đối tượng khác	726.725.896	251.224.584
Cộng	41.531.335.639	9.330.145.113

(*) Các khoản ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng các công trình xây lắp tại các ngân hàng thương mại và bảo lãnh đi thuê tài sản tại các công ty cho thuê tài chính.

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	8.413.444.726	-	8.413.444.726	8.413.444.726
Công ty CPĐT BOT Đèo Cả Khánh Hòa	5.501.284.868	-	5.501.284.868	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông Thành phố Hồ Chí Minh	1.019.777.000	-	1.019.777.000	1.019.777.000
Khách hàng khác	6.206.422.517	139.828.827	6.066.593.690	11.707.707.385
Cộng	21.140.929.111	139.828.827	21.001.100.284	21.140.929.111
				5.917.272.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.926.352.949	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	150.102.984.349	-	118.434.958.646	-
Cộng	154.029.337.298	-	118.434.958.646	-

Chi tiết Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Gói thầu XL03 hậu giang cà mau	54.985.842.988	-
Công trình cao tốc Quy Nhơn Chí Thạnh	20.854.661.845	-
Công trình cầu Sông Hốt - Quảng Ninh (*)	16.669.307.297	16.669.307.297
Công trình cầu Bạch Đằng Bình Dương	11.866.526.742	12.089.532.064
Công trình 4 cầu Cần Thơ	9.237.422.139	11.370.902.862
Công trình cầu Hòa Bình	8.258.961.669	4.607.122.479
Công trình xây dựng nút giao thông An Phú	7.208.253.524	-
Các công trình khác	21.022.008.145	73.698.093.944
Cộng	150.102.984.349	118.434.958.646

- (*) Công trình này Công ty đã thực hiện khối lượng công việc theo tiến độ thi công đã ký kết tuy nhiên do vướng mắc trong việc bố trí nguồn vốn nên chủ đầu tư chưa thực hiện ký nghiệm thu đối với khối lượng.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	693.700.876	222.901.066
Sửa chữa văn phòng	316.494.444	-
Vật tư luân chuyển dùng trong thi công	11.222.399.710	11.663.252.558
Cộng	12.232.595.030	11.886.153.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	3.403.133.574	78.730.443.364	22.574.799.283	1.072.957.724	14.820.006.615	120.601.340.560
Mua trong năm	-	9.480.796.296	-	-	-	9.480.796.296
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.071.428.600)	-	-	-	(1.071.428.600)
Số cuối năm	3.403.133.574	87.139.811.060	22.574.799.283	1.072.957.724	14.820.006.615	129.010.708.256
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	2.031.815.383	70.455.468.809	20.237.889.816	1.053.978.835	14.820.006.615	108.599.159.458
Khấu hao trong năm	132.312.624	2.497.161.015	511.451.034	10.352.121	-	3.151.276.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.071.428.600)	-	-	-	(1.071.428.600)
Số cuối năm	2.164.128.007	71.881.201.224	20.749.340.850	1.064.330.956	14.820.006.615	110.679.007.652
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	1.371.318.191	8.274.974.555	2.336.909.467	18.978.889	-	12.002.181.102
Tại ngày cuối năm	1.239.005.567	15.258.609.836	1.825.458.433	8.626.768	-	18.331.700.604

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 78.069.966.588 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 79.141.395.188 đồng).

Giá trị còn lại tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo các khoản vay là 16.027.597.906 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.842.978.759 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	-	-
Mua trong năm	7.658.006.734	7.658.006.734
Số cuối năm	7.658.006.734	7.658.006.734
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	255.585.578	255.585.578
Số cuối năm	255.585.578	255.585.578
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	7.402.421.156	7.402.421.156

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nhật Anh Phát	21.813.368.308	24.477.481.435
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật liệu Giao thông 68	5.853.136.911	11.853.136.911
Công ty CP Thương mại, Tư vấn và Xây dựng Vĩnh Hưng	2.210.624.584	4.820.092.755
Phải trả nhà cung cấp khác	21.411.536.325	22.943.505.455
Cộng	51.288.666.128	64.094.216.556

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% tất cả các khoản công nợ phải trả người bán.

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Nam 18 E&C (i)	68.547.266.300	-
Ban quản lý Dự án Mỹ Thuận (ii)	52.377.895.097	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình giao thông TP Hà Nội (iii)	32.631.001.000	-
Ban quản lý Dự án CTGT Ninh Thuận (iv)	20.389.198.544	-
Các khách hàng khác	47.808.379.104	42.567.427.900
Cộng	221.753.740.045	42.567.427.900

(i) Khoản trả trước cho dự án đầu tư xây dựng đoạn Quy Nhơn – Chí Thanh thuộc dự án XDCT đường cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2024 theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 1204/2023/HĐKT/TN18-492 ngày 12/04/2023.

(ii) Khoản trả trước cho dự án đầu tư xây dựng đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 115/PMUMT-HĐXI ngày 12/01/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

- (iii) Khoản trả trước cho dự án đầu tư tuyến đường kết nối đường Pháp Vân – Cầu Giẽ với đường Vành Đai 3 theo hợp đồng thi công xây dựng công trình số 61/2023/HĐXL/BQLDACTGT ngày 19/06/2023.
- (iv) Khoản trả trước cho dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nhánh N1.1 và N1.3 nút giao thông An Phú, thành phố Thủ Đức theo hợp đồng số 8065/HĐ-BQLDAGT-DDB2 ngày 19/12/2023.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	27.446.146.490	27.446.146.490	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.881.012	363.350.939	249.427.165	220.804.786
Thuế thu nhập cá nhân	-	15.275.300	15.275.300	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	222.713.441	397.848.654	575.157.922	45.404.173
Phí, lệ phí và các khoản khác	2.182.759	69.141.367	71.324.126	-
Cộng	331.777.212	28.291.762.750	28.357.331.003	266.208.959

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.247.011.560	4.163.546.349
Phí bảo lãnh	47.496.446	572.103.613
Chi phí trích trước phí dự án 492	8.028.719.623	8.805.600.000
Cộng	12.323.227.629	13.541.249.962

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	410.530.285	541.007.717
Bảo hiểm xã hội	1.134.654.352	1.185.246.359
Bảo hiểm y tế	1.100.890.367	804.534.351
Bảo hiểm thất nghiệp	521.767.259	345.696.474
Các khoản tạm ứng phải trả	6.974.730.765	16.080.839.540
<u>Trong đó:</u>		
Ban chỉ đạo cầu Thanh Nam	3.848.988.246	4.620.575.117
Ban điều hành dự án N3 Nguyễn Tri Phương Sài Gòn	2.480.448.560	2.732.657.405
Xưởng cơ khí (Ông Quế)	271.617.826	448.988.640
Các khoản tạm ứng phải trả khác	373.676.133	8.278.618.378
Các khoản phải trả, phải nộp khác	237.500.000	1.166.769.956
Cộng	10.380.073.028	20.124.094.397

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị		Tăng		Giảm	
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	85.871.761.698	85.871.761.698	91.988.695.477	72.552.622.951	66.435.689.172	66.435.689.172
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An {i}	59.557.286.133	59.557.286.133	59.626.303.563	63.457.944.116	63.388.926.686	63.388.926.686
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	-	-	-	3.046.762.486	3.046.762.486	3.046.762.486
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An {ii}	26.314.475.565	26.314.475.565	32.362.391.914	6.047.916.349	-	-
Cộng vay ngắn hạn	85.871.761.698	85.871.761.698	91.988.695.477	72.552.622.951	66.435.689.172	66.435.689.172
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.16.b)	3.510.311.112	3.510.311.112	-	-	-	-
Cộng vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	89.382.072.810	89.382.072.810			66.435.689.172	66.435.689.172

{i} Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 02/2023/791628/HĐTD ngày 11 tháng 09 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn bảo lãnh thanh toán thường xuyên là 67.435.000.000 VND (bằng chữ: Sáu mươi bảy tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu đồng) và hạn mức bảo lãnh khác thường xuyên là 170.000.000.000 VND, ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/08/2024. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Khách hàng tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, toàn bộ các tài sản, khoản phải thu và các nguồn thu nhập hợp pháp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng tại mọi thời điểm.

{ii} Hợp đồng tín dụng hạn mức số 71/2023/HĐTD/VNH ngày 14 tháng 03 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An. Giá trị Hạn mức tín dụng (HMTD) bằng Dư Nợ thực tế Khách hàng sử dụng trong thời gian sử dụng HMTD và trong mọi trường hợp không vượt quá: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng), trong đó Hạn mức cho vay 20.000.000.000 đồng, Hạn mức L/C 20.000.000.000 VND, Hạn mức bảo lãnh là 65.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng HMTD 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng Cấp Tín Dụng. Lãi suất linh hoạt theo quy định cụ thể tại văn bản giữa hai bên. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Khách hàng tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, toàn bộ các tài sản, khoản phải thu và các nguồn thu nhập hợp pháp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng tại mọi thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (iii)	6.597.200.000	6.597.200.000	6.597.200.000	-	-	-
Nợ thuế tài chính						
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội (iv)	6.508.207.170	6.508.207.170	8.286.720.000	1.778.512.830	-	-
Vay dài hạn	13.105.407.170	13.105.407.170	14.883.920.000	1.778.512.830	-	-
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả	(3.510.311.112)	(3.510.311.112)			-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (iii)	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)			-	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội (iv)	(1.710.311.112)	(1.710.311.112)			-	-
Cộng vay và nợ thuế tài chính dài hạn	9.595.096.058	9.595.096.058			-	-

{iii} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo hợp đồng số 03/2023/791628/HĐTD ngày 17 tháng 10 năm 2023. Ngân hàng cho Khách hàng vay với tổng số tiền là 6.597.200.000 đồng với mục đích vay Đầu tư thiết bị thi công Máy khoan cọc nhồi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cố định 8,6%/năm đối với 06 tháng đầu từ ngày giải ngân đầu tiên sau thời gian nói trên áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần; 6 tháng điều chỉnh lần (kể từ thời điểm hết thời gian ưu đãi 06 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân) tối thiểu bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân thông thường kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ 4%/năm

{iv} Các hợp đồng nợ thuế tài chính:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số SBL02202306003 ngày 09 tháng 06 năm 2023 tài sản thuê là xe ô tô con nhãn hiệu Ford số tiền 884.000.000 đồng, đã bao gồm thuế GTGT. Thời hạn cho thuê là 48 tháng với lãi suất cố định 11,2%/năm đến hết ngày 30/11/2023; sau đó sẽ là do lãi của Sacombank công bố + tỷ lệ 3,2%/năm, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần.

- Hợp đồng thuê tài chính số B230724013 ngày 01/08/2023: tài sản thuê là máy móc, thiết bị, hoặc các tài sản khác cùng với tất cả các phụ kiện đi kèm. Thời hạn thuê 54 tháng với số tiền là 3.559.000.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), với lãi suất biến động từ 10,5%/năm đến 11,56%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (tiếp theo)

- Hợp đồng số 21723000685/2023/HDMB/BSL-HIN ngày 11 tháng 12 năm 2023 với đơn giá 3.843.720.000 đồng, với thuế GTGT 8%, tài sản thuê là xe cầu bánh xích, số tiền trả trước là 576.558.000 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng, lãi suất thả nổi. Gốc và lãi thanh toán sau mỗi tháng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn/dài hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An bao gồm:

- Máy móc thiết bị động lực: 2 máy phát điện 120KW và 250KVA

- Máy móc thiết bị công tác gồm: Búa khoan nhồi Leeper (Đức) sản xuất năm 1997; Búa rung điện 40 Ku sản xuất năm 2000; Máy khoan cọc nhồi Casagrande sản xuất năm 2001; Trạm trộn bê tông 45m³/h (BM45) sản xuất năm 2001; Máy trộn BT TQ JZC-350 (3 cái) sản xuất năm 1991; Máy bơm bê tông PUTZMEISTER sản xuất năm 2002; Trạm trộn bê tông 45m³/h (BM45)+Xi lô Xi măng sản xuất năm 2002; Trạm Biến áp 160 KVA (Tai công ty) sản xuất năm 2002; Kịch thủy lực 500T (2 cái) sản xuất năm 2002; Bộ đúc hăng sản xuất năm 2003; Máy khoan LEEP KELY sản xuất năm 2005; Bơm bê tông PUTMEITER sản xuất năm 2006; Máy khoan đập cấp CK 2200 sản xuất năm 2007; Máy khoan đập cấp CK 2200 sản xuất năm 2007; Máy khoan đập cấp CK 2200 sản xuất năm 2007; Trạm trộn BT 45m³ sản xuất năm 2007; Trạm trộn BT CS 50M³/h sản xuất năm 2008; Bộ khoan RT3 (phù đồng) sản xuất năm 2008; Máy bơm Putzmeister sản xuất năm 2008; Xe HUYNDAI 37S 6455; Bộ đầu khoan thủy lực R15G (và Phụ kiện) sản xuất năm 2010; Máy khoan đập cấp CK 2200 sản xuất năm 2010; Máy khoan đập cấp IK10 sản xuất năm 2010; Búa đóng cọc rung 60Kw sản xuất năm 2011; Cản cầu tháp QTZ 6015 sản xuất năm 2012; Máy xúc lật bánh lốp LW300F sản xuất năm 2012; Silo xi măng 40T -D2500 H=11000mm sản xuất năm 2012; Cầu bánh xích 7055 kobelco sản xuất năm 1993; Máy khoan đập cấp CK1800 sản xuất năm 2014; Máy xúc đào KOMATSU sản xuất năm 2014; Khoan cọc và phụ tùng (3 bộ) sản xuất năm 2014; Khoan cốp và phụ tùng (1 bộ) sản xuất năm 2014; Máy đào bánh xích KoBELCO SK 210 sản xuất năm 2014; Máy đào bánh xích KoBELCO SK 220 sản xuất năm 2014; Cầu Kobelco 55 tấn sản xuất năm 1990; Bơm EVERDIGM sản xuất năm 2014; Xe trộn BT HOWO 37c 18435 sản xuất năm 2014; Xe lan 42T sản xuất năm 2017; Đầu búa đập đồ sản xuất năm 2017; Máy xúc đào Kobelco SK200-6ES sản xuất năm 2017; Máy khoan cọc nhồi XR360 (trích khấu hao 2 tháng) sản xuất năm 2020.

- Phương tiện vận tải: Cầu bánh xích 40 tấn-P&H; Cản cầu bánh xích KOBELCO -7055; Xe ô tô 5 chỗ ngồi PORD biển kiểm soát 29N-9692; Xe TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 29Y 4679; ô tô trộn BT Hyundai biển kiểm soát 37H 3980; ô tô trộn BT Hyundai biển kiểm soát 37H 3797; Cầu bánh xích Kobelco 80 tấn; Xe ô tô Highlander 7 chỗ 2545; Xe ô tô Fortuner TNG 51L; Xe oto bán tải gắn cầu biển kiểm soát 37C04330; Xe ô tô đầu kéo rơ mooc biển kiểm soát 37C 11657; Xe ô tô landcruiser + phụ kiện

- Khác: Cọc ván thép (Phù đồng); BS Phụ kiện xe đúc; Xe đúc hăng dầm B=17m; Kịch căng kéo (BS xe đúc); Hệ thống thủy lực (BS xe đúc); Ba lang xích (BS xe đúc); Bộ đà giáo Ko khâu độ B=14,7m; Bộ xe đúc hăng khâu độ B=14,7m; Bộ xe đúc hăng (cầu Tri Phương); KL bổ sung xe đúc (Cầu Tri Phương).

- Ngoài ra, hợp đồng này còn được bảo đảm bằng toàn bộ dự tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Khách hàng tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác, toàn bộ tài sản, khoản phải thu và các nguồn thu nhập hợp pháp phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng tại mọi thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	3.510.311.112	-
Trong năm thứ hai	3.510.311.112	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.084.784.946	-
Cộng	13.105.407.170	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	3.510.311.112	-
Số phải trả sau 12 tháng	9.595.096.058	-

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	53.129.200.000	1.655.023.967	6.828.310.883	61.612.534.850
Lãi trong năm	-	-	39.340.301	39.340.301
Số dư đầu năm nay	53.129.200.000	1.655.023.967	6.867.651.184	61.651.875.151
Lãi trong năm	-	-	178.433.799	178.433.799
Số dư cuối năm nay	53.129.200.000	1.655.023.967	7.046.084.983	61.830.308.950

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Anh Hạng	38.159.780.000	38.159.780.000
Cổ đông khác	14.969.420.000	14.969.420.000
Cộng	53.129.200.000	53.129.200.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.312.920	5.312.920
- Cổ phiếu phổ thông	5.312.920	5.312.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.312.920	5.312.920
- Cổ phiếu phổ thông	5.312.920	5.312.920

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thi công các công trình giao thông	308.026.612.116	193.960.969.548
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	10.900.825.293
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.619.940.799	590.000.000
Cộng	309.646.552.915	205.451.794.841

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thi công các công trình giao thông	278.959.321.497	176.930.414.996
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	10.809.871.469
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.619.940.799	-
Cộng	280.579.262.296	187.740.286.465

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	903.197.142	574.211.056
Cộng	903.197.142	574.211.056

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	6.959.802.774	6.428.984.316
Chi phí tài chính khác	2.079.174.640	1.032.084.460
Cộng	9.038.977.414	7.461.068.776

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.024.579.812	5.392.642.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.937.698	10.352.122
Thuế, phí và lệ phí	294.718.102	217.527.396
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	15.083.828.137	4.206.722.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.148.906.776	595.735.478
Chi phí bằng tiền khác	868.405.470	297.414.206
Cộng	23.686.375.995	10.720.394.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**6. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	150.000.000	-
Thanh lý sắt vụn	2.963.807.276	21.509.091
Hoàn nhập dự phòng phải trả	703.240.448	-
Thu nhập khác	41.841.853	408.639.843
Cộng	3.858.889.577	430.148.934

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền nộp phạt hành chính	60.000.000	21.863.853
Tiền nộp phạt thuế	283.284.480	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	32.590.295	-
Các khoản chi phí khác	186.364.416	152.833.252
Cộng	562.239.191	174.697.105

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Lợi nhuận trước thuế	541.784.738	268.754.132
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	562.239.191	174.697.105
Các khoản điều chỉnh tăng	562.239.191	174.697.105
Chi phí không hợp lý khi tính thuế	562.239.191	174.697.105
Thu nhập chịu thuế	1.104.023.929	443.451.237
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (1)	220.804.786	88.690.247
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	90.953.824
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	90.953.824
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (2)	-	18.190.765
Truy thu thuế TNDN từ những năm trước	142.546.153	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (3) = (1) + (2)	363.350.939	106.881.012

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	178.433.799	39.340.301
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	178.433.799	39.340.301
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.312.920	5.312.920
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.647.840.344	84.200.395.307
Chi phí nhân công	28.497.447.235	21.053.848.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.406.862.369	3.296.394.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.609.323.595	67.544.119.522
Chi phí khác bằng tiền	6.974.780.001	3.346.766.738
Cộng	272.136.253.544	179.441.524.501

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Anh Hưng	Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Lục	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cảnh Tùng	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc
Ông Đinh Quốc Hùng	Thành viên HĐQT
Bà Phạm Thị Thanh Mai	Vợ Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Nông	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Anh Đức	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Hồ Quốc Cường	Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trả tiền vay	-	3.150.000.000
Bà Phạm Thị Thanh Mai	-	3.150.000.000

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:**Không còn số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán**Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm như sau:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thù lao HĐQT, Ban Giám đốc		
Ông Nguyễn Anh Hưng - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	325.428.000	333.000.000
Ông Nguyễn Đình Lục - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	393.660.000	387.000.000
Ông Nguyễn Cảnh Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	393.660.000	387.000.000
Ông Đinh Quốc Hùng - Thành viên HĐQT	241.160.000	48.000.000
Lương, thù lao Ban Kiểm soát		
Ông Nguyễn Đình Nông - Trưởng Ban kiểm soát	110.424.000	106.104.000
Ông Trần Anh Đức - Thành viên Ban kiểm soát	264.668.000	147.072.000
Ông Hồ Quốc Cường - Thành viên Ban kiểm soát	238.440.000	99.450.000
Ông Nguyễn Chí Thông - Thành viên Ban kiểm soát	-	71.805.000
Cộng	1.967.440.000	1.579.431.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. THÔNG TIN BỘ PHẬN ĐƯỢC TRÌNH BÀY THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ có hoạt động duy nhất là lĩnh vực xây lắp. Do đó, theo quy định của chuẩn mực 28, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thu Giang
Người lập biểu



Nguyễn Thu Giang
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Hưng
Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2024